

Thứ năm, ngày 2 tháng 5 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/5/2019		•	
Tuần 29/4-3/5/2019		•	
Tháng 5/2019		•	

Điểm nhấn

- VN-Index giảm nhẹ vào buổi sáng. Trong phiên buổi chiều, đã giảm chứng lại.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm SAB (+0.88 điểm); GAS (+0.7 điểm); MSN (+0.6 điểm); VJC (+0.42 điểm); VRE (+0.32 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm BVH (-1.32 điểm); VCB (-1.13 điểm); VHM (-0.61 điểm); TCB (-0.32 điểm); BID (-0.31 điểm). Trong đó Cổ phiếu BVH giảm sâu nhất với lượng dư bán lớn do đến thời hạn có hiệu lực của 12.2 triệu cổ phiếu ESOP.
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngành Điện nước & xăng dầu khí đốt và Tài nguyên Cơ bản.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên đạt 2,555.1 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên là 4.42 điểm. Thị trường có 105 mã tăng và 184 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 1.14 điểm, đóng cửa tại 978.5 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 0.46 điểm xuống 107 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 45.52 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VRE (23.7 tỷ), MSN (18.4 tỷ) và VJC (15.6 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã bán ròng 6.19 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng giảm điểm so với phiên hôm qua, kết thúc phiên sáng, chỉ số Vn-Index giảm 2.01 điểm tương đương -0.21%. Các cổ phiếu trụ cột kéo thị trường giảm mạnh nhất BVH, VCB, VHM, TCB. Trong phiên chiều đã giảm chứng lại so với phiên sáng nhờ một phần khối ngoại tiếp tục mua ròng trên sàn HOSE, trong khi BVH và VCB hồi phục nhẹ. Theo quan điểm của BSC, thị trường có một phiên giảm điểm nhẹ ngược chiều với các thị trường trong khu vực, tâm lý thị trường Việt Nam vẫn còn thận trọng do thanh khoản thấp và trước diễn biến giảm điểm của chứng khoán Mỹ sau khi Chủ tịch Fed, Jerome Powell cho biết áp lực lạm phát thấp gần đây có thể chỉ là tạm thời.

Phân tích kỹ thuật:

MWG_Tăng giá ngắn hạn

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX

978.50

Giá trị: 2555.13 tỷ

-1.14 (-0.12%)

Khối ngoại (ròng): 45.52 tỷ

HNX-INDEX

107.00

Giá trị: 371.07 tỷ

-0.46 (-0.43%)

Khối ngoại (ròng): -6.19 tỷ

UPCOM-INDEX

55.90

Giá trị: 168.84 tỷ

-0.33 (-0.59%)

Khối ngoại(ròng): 10.29 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	63.0	-0.97%
Giá vàng	1,271	-0.44%
Tỷ giá USD/VND	23,263	-0.07%
Tỷ giá EUR/VND	26,029	-0.34%
Tỷ giá JPY/VND	20,845	-0.26%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	3.9%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	57.1	VNM	15.0
MSN	31.9	VCB	11.9
VJC	11.0	AAA	11.8
HPG	5.3	HDB	9.5
CRE	3.1	VIC	4.0

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

Trang 1

Phân tích kỹ thuật

Trang 2

Cổ phiếu lớn

Trang 3

Thống kê thị trường

Trang 4

Báo cáo mới nhất

Trang 5

iBroker

Trang 6

Khuyến cáo sử dụng

Trang 7

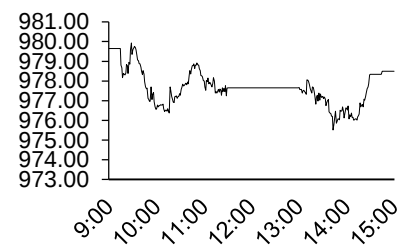
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
SAB	0.5	243.7	126.65	120.00	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
MWG	2.1	86.0	111.32	108.00	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VNM	4.2	130.0	112.11	106.37	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VJC	5.5	118.5	109.15	105.00	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
GAS	1.1	114.0	104.00	95.60	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
VIC	0.9	113.6	97.41	98.50	MUA	Tăng giá trong dài hạn
PNJ	2.7	103.0	88.15	87.50	MUA	Tăng giá kéo dài
VHC	0.8	92.7	86.22	82.10	NGỪNG BÁN	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VHM	1.8	91.4	81.01	80.60	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
MSN	2.6	88.5	67.34	64.00	MUA MẠNH	Tăng giá kéo dài

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

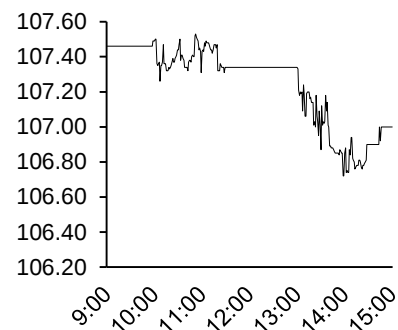
Phân tích kỹ thuật

MWG_Tăng giá ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.
- Đường MA: MA20 nằm dưới MA50 và MA200.

Nhận định: MWG đang nằm trong nhịp hồi phục mạnh từ vùng đáy 81.35. Thanh khoản trong hai phiên gần nhất đã nằm trên ngưỡng giá giao dịch trung bình 20 phiên cho thấy lực tăng vẫn còn khá mạnh. Chỉ báo kỹ thuật RSI và MACD đều cho thấy tín hiệu tăng giá mạnh. Vận động 3 đường MA chưa phản ánh xu hướng hồi phục ngắn hạn tuy nhiên việc giá cổ phiếu đã vượt ngưỡng hỗ trợ MA50 cũng cho thấy xu hướng tăng giá đang được củng cố. Dải mây Ichimoku ủng hộ xu hướng này khi dải mây đang có tín hiệu đảo chiều với đường giá giao dịch nằm trên dải mây. Như vậy MWG sẽ hồi phục về vùng kháng cự 88-90 rồi trước khi hình thành xu hướng mới.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1905	877.6	0.1%	-37.8%
VN30F1906	872.0	0.1%	-25.7%
VN30F1909	867.5	-65.5%	-65.5%
VN30F1912	867.0	0.1%	36.8%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	89	1.8	1.2
VJC	119	2.2	1.0
HPG	34	1.2	0.7
SAB	244	1.9	0.6
PNJ	103	2.9	0.5

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	24	-1	-0.9
VCB	67	-1	-0.5
VHM	91	-1	-0.3
NVL	59	-1	-0.3
VPB	19	-1	-0.2

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	86.0	1.3%	0.8	1,656	2.1	6,696	12.8	4.2	49.0%	38.7%
PNJ	Bán lẻ	103.0	2.9%	1.0	748	2.7	6,402	16.1	4.3	49.0%	29.1%
BVH	Bảo hiểm	82.4	-7.0%	1.3	2,511	0.6	1,620	50.9	3.9	24.8%	7.8%
PVI	Bảo hiểm	41.1	1.5%	0.7	413	0.3	2,459	16.7	1.4	47.6%	8.1%
VIC	Bất động sản	113.6	-0.1%	1.1	15,764	0.9	1,271	89.4	6.4	9.3%	8.9%
VRE	Bất động sản	36.5	1.3%	1.1	3,691	4.1	1,033	35.3	3.0	32.1%	8.8%
NVL	Bất động sản	58.5	-1.0%	0.8	2,367	0.9	3,529	16.6	2.8	6.9%	20.1%
REE	Bất động sản	32.0	0.6%	1.1	431	0.5	5,753	5.6	1.1	49.0%	20.6%
DXG	Bất động sản	21.1	-0.9%	1.4	321	0.3	3,364	6.3	1.4	48.5%	25.1%
SSI	Chứng khoán	25.6	-0.8%	1.3	567	1.1	2,169	11.8	1.4	59.3%	11.9%
VCI	Chứng khoán	35.2	-0.3%	1.0	249	0.1	5,067	6.9	1.6	37.4%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.8	-2.6%	1.5	326	0.4	2,009	12.3	1.0	56.7%	14.1%
FPT	Công nghệ	49.9	0.6%	0.9	1,336	1.9	4,467	11.2	2.3	49.0%	21.9%
FOX	Công nghệ	48.5	0.0%	0.4	477	0.1	4,156	11.7	2.9	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	114.0	1.1%	1.5	9,487	1.1	6,092	18.7	4.9	3.7%	27.0%
PLX	Dầu khí	62.5	0.3%	1.5	3,182	1.2	3,151	19.8	3.6	11.4%	17.9%
PVS	Dầu khí	23.9	2.6%	1.7	497	5.3	2,191	10.9	1.0	26.5%	8.9%
BSR	Dầu khí	14.0	-0.7%	0.8	1,887	1.3	1,163	12.0	1.4	41.1%	11.0%
DHG	Dược	118.5	2.2%	0.6	674	0.2	4,199	28.2	5.1	54.0%	19.0%
DPM	Hóa chất	18.1	0.3%	0.7	307	0.2	1,289	14.0	0.9	22.8%	7.2%
DCM	Hóa chất	8.6	-1.7%	0.7	198	0.2	978	8.8	0.7	2.8%	9.5%
VCB	Ngân hàng	66.9	-1.5%	1.3	10,788	1.8	4,367	15.3	3.4	23.7%	24.5%
BID	Ngân hàng	34.5	-0.9%	1.6	5,128	0.7	2,150	16.0	2.2	3.2%	14.5%
CTG	Ngân hàng	21.0	-1.2%	1.6	3,400	1.8	1,454	14.4	1.2	30.0%	8.3%
VPB	Ngân hàng	19.0	-0.5%	1.2	2,024	0.9	2,705	7.0	1.3	23.2%	22.8%
MBB	Ngân hàng	21.9	0.5%	1.2	2,012	2.8	2,994	7.3	1.3	20.0%	20.2%
ACB	Ngân hàng	29.7	-1.3%	1.1	1,610	1.5	4,297	6.9	1.7	34.3%	27.1%
BMP	Nhựa	46.7	-1.5%	0.9	166	0.2	5,279	8.8	1.5	75.5%	17.0%
NTP	Nhựa	36.9	0.0%	0.3	143	0.0	4,066	9.1	1.4	22.2%	16.3%
MSR	Tài nguyên	18.9	-1.0%	1.2	739	0.0	732	25.8	1.4	2.0%	5.6%
HPG	Thép	34.0	1.2%	1.0	3,140	5.6	4,037	8.4	1.8	39.9%	23.6%
HSG	Thép	8.4	4.4%	1.5	154	1.6	355	23.6	0.6	15.2%	2.6%
VNM	Tiêu dùng	130.0	0.2%	0.7	9,843	4.2	5,349	24.3	8.8	59.3%	37.5%
SAB	Tiêu dùng	243.7	1.9%	0.8	6,795	0.5	6,426	37.9	10.4	63.4%	29.4%
MSN	Tiêu dùng	88.5	1.8%	1.2	4,476	2.6	4,545	19.5	3.4	40.5%	22.0%
SBT	Tiêu dùng	18.3	0.5%	0.6	418	0.9	474	38.6	1.6	10.9%	4.1%
ACV	Vận tải	83.7	0.8%	0.8	7,923	0.3	1,883	44.5	6.7	3.6%	15.9%
VJC	Vận tải	118.5	2.2%	1.1	2,790	5.5	9,850	12.0	4.6	20.6%	43.3%
HAV	Vận tải	40.3	0.0%	1.7	2,485	1.1	1,747	23.1	3.2	9.6%	13.4%
GMD	Vận tải	26.0	0.2%	0.9	335	0.2	6,236	4.2	1.3	49.0%	29.6%
PVT	Vận tải	16.4	0.3%	0.7	201	0.1	2,387	6.9	1.1	33.0%	16.9%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.5	-0.9%	0.9	433	0.2	6,806	9.3	3.4	2.5%	43.4%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.0	2.6%	0.9	390	1.5	1,385	14.4	1.4	15.3%	9.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.1	6.2%	0.8	284	0.7	1,744	9.8	1.2	6.2%	12.6%
CTD	Xây dựng	120.5	-0.2%	0.8	400	0.3	17,122	7.0	1.1	46.2%	16.9%
VCG	Xây dựng	27.4	-0.7%	1.2	526	0.4	1,014	27.0	1.8	0.0%	7.4%
CII	Xây dựng	23.7	3.5%	0.5	255	0.3	368	64.4	1.2	53.9%	1.8%
POW	Điện	14.7	-1.0%	0.6	1,492	0.5	820	17.9	1.4	14.6%	7.8%
NT2	Điện	27.2	0.2%	0.6	340	0.2	2,446	11.1	2.0	23.1%	15.5%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	243.70	1.88	0.88	48200.00
GAS	114.00	1.06	0.70	229350.00
MSN	88.50	1.84	0.57	678660.00
VJC	118.50	2.24	0.43	1.08MLN
VRE	36.45	1.25	0.32	2.63MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	23.90	2.58	0.14	5.12MLN
VGC	20.00	2.56	0.10	1.75MLN
OCH	7.20	9.09	0.05	992500.00
PVI	41.10	1.48	0.02	142000.00
NDN	13.20	3.94	0.02	1.17MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BVH	82.40	-7.00	-1.32	164290.00
VCB	66.90	-1.47	-1.13	628430.00
VHM	91.40	-0.65	-0.61	452510.00
TCB	23.85	-1.24	-0.32	891770.00
BID	34.50	-0.86	-0.31	483460.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	29.70	-1.33	-0.50	1.13MLN
NVB	9.00	-2.17	-0.06	41400.00
PGS	34.40	-4.44	-0.05	3400.00
DGC	36.10	-2.17	-0.05	214800.00
VC3	23.00	-3.36	-0.02	289800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	9.95	6.99	0.00	210.00
MDG	11.50	6.98	0.00	2120.00
SJF	4.32	6.93	0.01	2.48MLN
VDP	33.25	6.91	0.01	500.00
SZL	38.90	6.87	0.02	116250.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PPP	11.00	10.00	0.00	200.00
SJC	2.30	9.52	0.00	300.00
VLA	17.40	9.43	0.00	100.00
ONE	4.70	9.30	0.00	200.00
HLV	20.00	9.29	0.00	700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BVH	82.40	-7.00	-1.32	164290.00
THI	34.70	-6.97	-0.04	120.00
UIC	36.20	-6.94	-0.01	1140.00
SVT	6.31	-6.93	0.00	10.00
CMG	28.30	-6.91	-0.05	324630.00

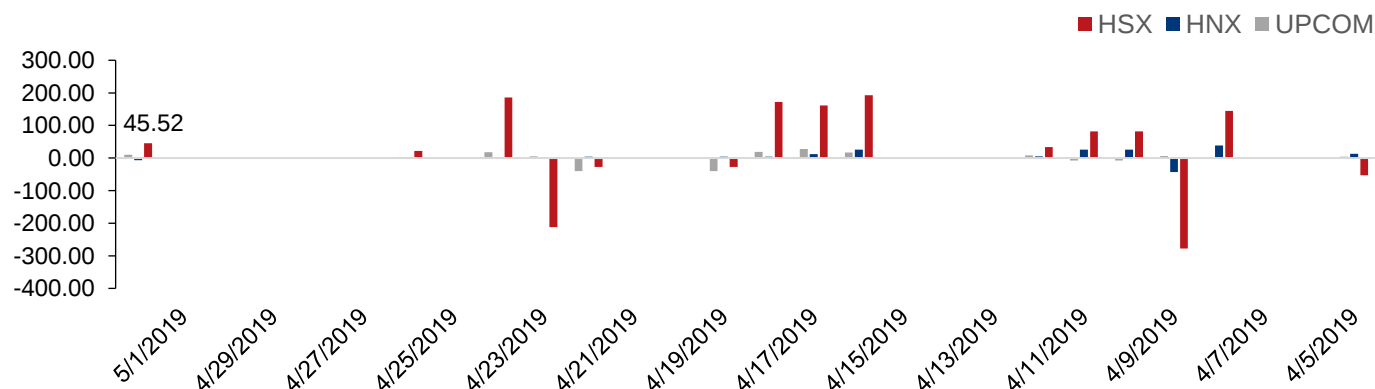
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.70	-12.50	0.00	130600.00
PVV	0.80	-11.11	0.00	337300.00
HKB	0.90	-10.00	0.00	270500.00
CKV	16.20	-9.50	0.00	2000.00
HBS	3.00	-9.09	0.00	19000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Báo cáo Tổng kết KQKD 2018	Phân tích ngành		Click	
3	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click	
4	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click	
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
9	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
11	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
13	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
16	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
17	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
18	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
19	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
20	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11 năm	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	DXG	Bất động sản	Mua	22/03/2019	22.5	30.5	21.1	3,364	6.3	1.4	Click	
2	CTD	Xây dựng	Theo dõi	22/03/2019	142.0	153.6	120.5	17,122	7.0	1.1	Click	
3	CSV	Hóa chất	Theo dõi	21/03/2019	32.3	36.6	29.2	5,748	5.1	1.6	Click	
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	21/03/2019	17.9	19.2	16.4	2,387	6.9	1.1	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	30.4	32.7	29.7	4,297	6.9	1.7	Click	
6	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	26.8	31.2	23.9	2,430	9.8	1.6	Click	
7	GMD	Cảng biển	Theo dõi	7/3/2019	27.8	29.1	26.0	6,236	4.2	1.3	Click	
8	SBT	Mía đường	Theo dõi	1/3/2019	19.8	21.2	18.3	474	38.6	1.6	Click	
9	PHR	Cao su	Theo dõi	6/3/2019	44.6	44.5	51.6	4,852	10.6	2.6	Click	
10	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	4/3/2019	89.5	91.0	88.5	4,545	19.5	3.4	Click	
11	DGW	Công nghệ	Mua	27/3/2019	23.1	27.4	22.7	2,862	7.9	1.2	Click	
12	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	39.5	6,682	5.9	2.0	Click	
13	HT1	Xây dựng	Mua	4/4/2019	16.2	18.4	17.1	1,744	9.8	1.2	Click	
14	PVI	Bảo hiểm	Mua	25/03/2019	36.0	41.7	41.1	2,459	16.7	1.4	Click	
15	HBC	Xây dựng	Theo dõi	29/3/2019	18.5	20.1	17.2	3,033	5.7	1.2	Click	
16	CTD	Xây dựng	Mua	11/5/2018	151.5	177.9	120.5	17,122	7.0	1.1	Click	
17	HDG	Bất động sản	Mua	10/9/2017	38.3	50.2	39.5	6,682	5.9	2.0	Click	
18	GMD	Cảng biển	Mua	10/5/2018	28.4	36.8	26.0	6,236	4.2	1.3	Click	
19	EVE	Dệt may	Nắm giữ	10/2/2018	16.0	18.2	15.3	1,506	10.2	0.6	Click	
20	RAL	Tiêu dùng	Mua	21/9/2018	103.8	124.2	83.0	18,019	4.6	1.1	Click	



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FOX 2019Q2	23/4/2019	FOX đặt KH DT và LNTT lần lượt đạt 9,980 tỷ (+13.1% YoY) và 1,660 (+13.9% YoY) với EPS dự kiến đạt 4,300 VND/cp (+3.5% YoY). FOX ghi nhận DT và LNTT lần lượt đạt 8,822 tỷ (+15.3% YoY) và 1,458 tỷ (+19.8% YoY). Trong đó, FPT Telecom ghi nhận DT và LNTT đạt 8,284 tỷ (+16.2 % YoY) và 1,142 tỷ (+26.5% YoY). FPT Online ghi nhận DT và LNTT đạt 538 tỷ (+3.5% YoY) và 315 tỷ (+0.4% YoY).
Express CTR 2019Q2	23/4/2019	Kế hoạch kinh doanh 2019 dự kiến DT và LNST lần lượt đạt 5,000 tỷ (+15.9% YoY) và 158 tỷ (+7.7% YoY). Trong đó, khoảng 65% DT từ dịch vụ khai thác và ứng cứu thông tin là 3,200 tỷ (+23.9% YoY), chiếm 65% DTT. DT hoạt động xây lắp khoảng 1,200 – 1,300 tỷ (+0% YoY) (bao gồm xây lắp trong nước và nước ngoài). Kết quả kinh doanh ước tính Q1.2019: DT và LN lần lượt đạt 1,100 tỷ (+14.1% YoY) và LN 46 tỷ.
Express SJS 2019Q2	23/4/2019	Triển vọng kinh doanh năm 2019: DT dự kiến 700 tỷ đồng (+46% yoy) và LNTT 135 tỷ đồng (tương đương cùng kỳ). Năm 2018, SJS đạt doanh thu 469 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 111 tỷ đồng, tăng lần lượt là 942% và giảm 15% YoY.
Express CRE 2019Q2	23/4/2019	Kế hoạch 2019: DT đạt 2.560 tỷ đồng (+51.7% yoy), LNTT đạt 562 tỷ đồng (+40% yoy). KQKD Quý 1: DT đạt 400 tỷ (+47% yoy) và LNST đạt 100 tỷ (+30% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

